

# Green Perform Waterproof G3

## WT198X L1

444170264311

Mounting Instruction/ 安装说明书 /Petunjuk Instalasi/Hướng dẫn lắp đặt/ คู่มือการติดตั้ง/ تعليمات التركيب/

		$t_a 25^\circ\text{C}$	IP65	IK08	$45^\circ\text{C}$ / $-20^\circ\text{C}$	IEC 60598	GB 7000			
--	--	------------------------	------	------	--	-----------	---------	--	--	--

Type/型号/Tipe/ Loại / رُنُون / رقم النوع /	CCT (K)	Power(W)/功率 /Daya/Công suất/ กำลังไฟฟ้า/الطاقة	Lumen Output (lm)/流明输出 Lumen keluaran/ Quang thông (lm) /أ�افن/الإضاءة	Dimension /尺寸 Dimensi/Kích thước /خاند كيم/الابعاد LxWxH (mm)		Voltage/电压 Tegangan /Điện áp /جولتر/الجهوة	Frequency/频率 Frekuensi /Tần số /كرانه/التردد
WT198X LED20S/840 LI S L600	4000	16.7	2000	665x80x76	0.8	220-240V~	50/60Hz
WT198X LED28S/840 LI S L1200	4000	21.1	2800	1215x80x76	1.33		
WT198X LED40S/840(65) LI S L1200	4000/6500	28.9	4000	1215x80x76	1.33		
WT198X LED60S/840(65) LI S L1500	4000/6500	42.6	6000	1515x80x76	1.67		
WT198C LED82S/840(65) LI S L1500*	4000/6500	57.4	8200	1515x80x76	1.73		
WT198X LED19S/840 LI S PCO L600	4000	16.7	1900	665x80x76	0.8		
WT198X LED26S/840 LI S PCO L1200	4000	21.1	2600	1215x80x76	1.33		
WT198X LED38S/840(65) LI S PCO L1200	4000/6500	28.9	3800	1215x80x76	1.33		
WT198X LED57S/840(65) LI S PCO L1500	4000/6500	42.6	5700	1515x80x76	1.67		
WT198C LED77S/840(65) LI S PCO L1500*	4000/6500	57.4	7700	1515x80x76	1.73		

\* For L1500 LED82/77: maximum ambient temperature is up to 40°C

Mounting distance / 安装距离			
Unit (mm)			
Type	L600	L1200	L1500
L	308-512	538-1062	838-1362

**Installation / 安装方式**

- Ceiling Mounting 吸顶安装
- Suspended Mounting 悬吊安装
- Wall Mounting 墙装

Surface Mounting / 表面安装

Suspension Mounting / 悬吊安装

OPTIONAL ANTI-VANDAL MOUNTING / 可选防破坏安装方式

It must be used when the lamp is in an environment with vibration and impact.  
当灯具安装在有震动冲击的环境下，必须使用。

**Cable Connection / 输入接线**

60245 IEC57 Ø 1.0-2.5mm<sup>2</sup>

**Inrush current / 侵入电流**

	LED20 LED19	LED28 LED26	LED40 LED38	LED60 LED57	LED82 LED77
Max [A]	8	8	8		
Tref [μs]	186	186	186		
Max. Nr of products / 最多产品数					
Drivers / MCB 16A type B [max.]	84	84	84		
Drivers / MCB 10A type B [max.]	51	51	51		
Drivers / MCB 16A type C [max.]	105	105	105		
Drivers / MCB 10A type C [max.]	65	65	65		

Signify (China) Investment Co., Ltd.

Address: Building No. 9, Lane 888, Tianlin Road, Minhang District,  
Shanghai, China China Postal code: 200233

昕诺飞(中国)投资有限公司

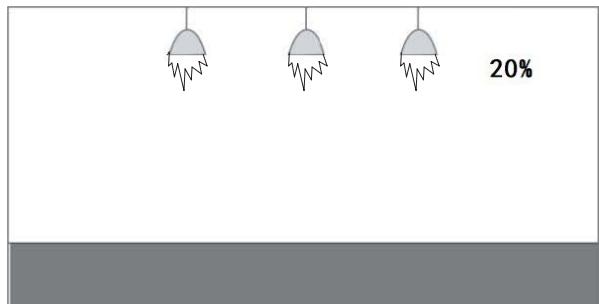
地址：中国上海市闵行区田林路888弄9号楼

邮编：200233

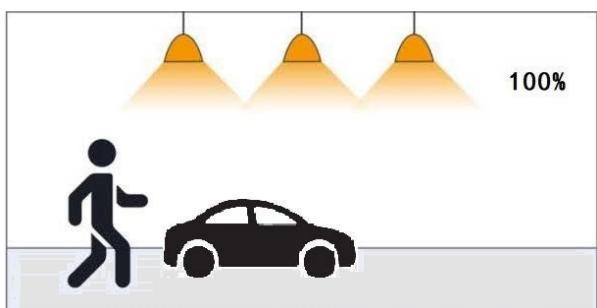
# PHILIPS

Philips and the Philips shield emblem are registered trademarks of Koninklijke Philips N.V.

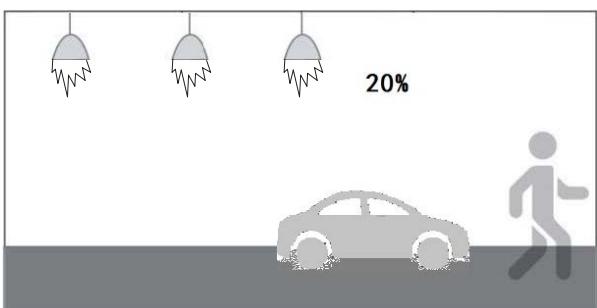
## 灯具工作状态说明/Description of working state of luminaires



探测不到运动物体，灯具保持节能模式（亮度约20%）  
If no moving object can be detected, the lamp remains in energy-saving mode (lumen output is about 20%)

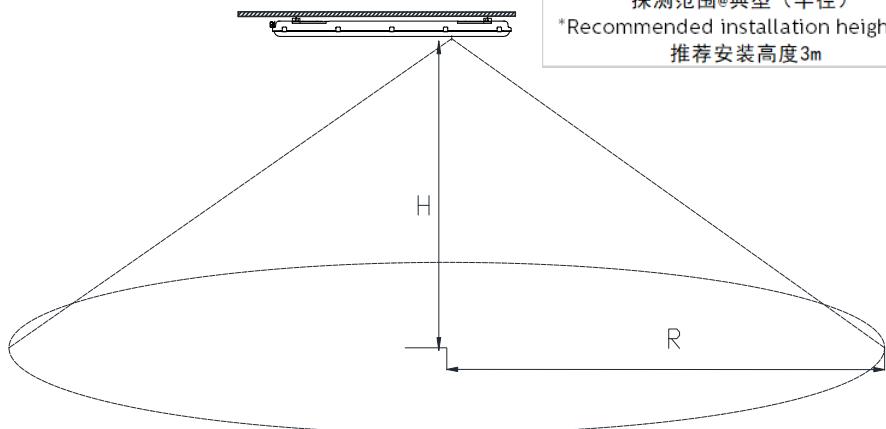


当感应器探测到运动物体时, 灯自动亮起 100%亮度, 进入设置延时时间。  
When the sensor detects a moving object, the light will automatically turn on 100% brightness and enter the set delay time.



延时时间过后, 感应器探测不到运动物体时, 灯具恢复节能模式。  
After the delay time, when the sensor cannot detect the moving object, the lamp will return to the energy-saving mode.

## 感应距离/Detection range



1. 以上感应距离基于安装高度3米, 面向感应器, 成人行走速率约0.5-1m/s, 车行速度约5-10km/h;  
The above sensing distance is based on the installation height of 3m, opposite to the sensor, the adult pedestrian speed is about 0.5-1m/s, and the vehicle speed is about 5-10km/h;

2. 人或物体大小、速度不同, 感应距离不同, 速度越快, 感应距离越小。  
The sizes and speeds of people or objects are different, then the sensing distance vary: the faster speed results in the less sensing distance.

3. 感应器设计优化为人或物体移动探测, 因此, 在某些特殊情况下, 微小动作不会触发感应探测功能。  
The sensor is optimally designed for movement detection of people or objects. So, under some specific circumstance, minor actions will not trigger the sensor detection.

## 安装及应用注意事项/Precautions for installation and application



1. 灯具安装后须确保传感器横向及纵向间距大于1.5m，安装距离过近可能会引发个别灯具误亮。

The installation distance, both transverse and longitudinal, should be greater than 1.5m. If the installation distance is too close, individual lamps may be misfit.

2. 安装位置远离WIFI路由器，移动通信用全向天线，电信用小型基站，电视用天线等，距离过近可能会使调光功能失效。

Installation location shall be away from WIFI, omnidirectional antennas for mobile communications, small base stations for telecommunications, TV antennas, etc.

Signal source too close may disable.

the dimming functions.

3. 灯具应避免安装在振动的表面，否则传感器易被误触发。

The luminaire should not be installed on vibrating surfaces, otherwise the sensor is easy to be triggered by mistake.

4. 灯具晃动可能会造成传感器被误触发。

The luminaire shaking may cause the sensor to be triggered by mistake.

5. 灯具感应范围内若有振动的物体可能会影响调光功能。

The dimming function of luminaire might be effected by the objects with vibration in its sensing area.

6. 产品对塑胶、木质的穿透效果较好；避免天线周围有金属遮挡，金属会反射、阻挡微波，影响实际感应效果。

The product has good penetration effect on plastic and wood. Avoid metal shielding around the antenna, which will reflect and block microwave and affect the actual induction effect.

7. 墙壁、玻璃、陶瓷，会带来电磁波的反射与穿透衰减，会降低传感器的感应距离，厚度越厚衰减越严重。

Walls, glass, and ceramics will bring reflection and penetration attenuation of electromagnetic waves, and reduce the sensing distance of the sensor. The thicker the material is, the more serious the attenuation is.

8. 感应范围内的动物、物体移动可能会引起灯亮，属于正常现象。

The movement of animals and objects within the sensing range may cause the light to turn on, which is a normal phenomenon.

9. 微波传感器发射的电磁波在实际应用环境中，障碍物的反射率不同会带来感应范围的不同，属于正常现象。

The electromagnetic wave emitted by microwave sensor in the practical application environment, the different reflectivity of obstacles will lead to different induction range, which is normal phenomenon.

1. Indoor use only.
  2. Do not switch on before complete installation.
  3. The luminaire shall be installed by a qualified electrician and wired in accordance with the latest IEE electrical regulations or the national requirements.
  4. The light source contained in this luminaire shall only be replaced by the manufacturer or his service agent or a similar qualified person.
  5. The external flexible cable or cord of this luminaire is damaged, it shall be exclusively replaced by the manufacturer or his service agent or a similar qualified person in order to avoid a hazard.
  6. Luminaire must not be used or stored in corrosive environment where hazardous materials such as Sulphur, Chlorine, phthalates, etc, are present.

EN

1. Hanya untuk penggunaan di dalam ruangan.
  2. Jangan dinyalakan sebelum instalasi selesai.
  3. Luminer harus dipasang oleh teknisi listrik dan dipasang sesuai dengan regulasi IEE terbaru atau persyaratan nasional setempat yang berlaku.
  4. Sumber cahaya di dalam luminer ini hanya dapat diganti oleh produsen atau agen pelayanan atau orang yang memiliki keahlian.
  5. Kabel fleksibel eksternal atau kabel luminer ini tidak bisa digantikan dengan yang baru; jika kabel rusak, maka luminer akan rusak juga.
  6. Luminer tidak boleh digunakan atau disimpan di dalam lingkungan korosif yang mengandung unsur bahan berbahaya seperti Sulfur , Chlorine , phthalates , dll..

ID

1. Chỉ sử dụng trong nhà.
  2. Không được bắt trước khi hoàn thành lắp đặt.
  3. Đèn phải được lắp đặt bởi thợ điện lành nghề và được nối dây theo qui định IEE mới nhất về điện hay các yêu cầu quốc gia khác.
  4. Nguồn sáng trong bộ đèn cần phải được thay thế bởi nhà sản xuất, nhân viên dịch vụ của nhà sản xuất, hoặc người có chuyên môn.
  5. Không được thay thế dây cáp nguồn gần theo đèn; nếu dây bị hỏng, không được sử dụng đèn mà cầm loại bô.
  6. Không sử dụng hay cất giữ bộ đèn trong môi trường có tính ăn mòn, nơi có vật liệu nguy hiểm như lưu huỳnh, clo.

VN

- 仅适用于室内灯具；
  - 接线过程中，切勿通电；
  - 灯具应由有资格的电工安装，接线要符合IEC电气标准或国家标准；
  - 此灯具内的光源应由制造商或其服务代理商或一个类似的有资格的人来更换。
  - 如果此灯具的外部软缆或软线损坏了，该线要由制造商或其服务代理商或有类似资格的人更换，以避免发生危险。
  - 此灯具避免在腐蚀性环境或者含有有害物质，例如硫化物，卤化物，邻苯二甲酸酯等环境中存储和使用。

TH

1. คอมไฟเขียวภายในห้องน้ำ.
  2. ห้องน้ำเปิดใช้งานกว่าเดือนตั้งแต่เริ่จ.
  3. ไม่มีไฟฟาระบบที่ต้องติดตั้งโดยช่างซึ่งสามารถติดตั้งได้ด้วยตัวเอง.
  4. ห้องน้ำเป็นรูปแบบอิฐไม้โครงสร้างในคอมไฟเขียวตัดแหนง ต้องดัดแปลงอีกท่าน.
  5. สามารถติดตั้งห้องน้ำโดยติดตั้งโดยช่างซึ่งไม่สามารถเปลี่ยนสายไฟไปให้ติดตั้งห้องน้ำที่ไม่ใช่ห้องน้ำ.
  6. ไม่สามารถติดตั้งห้องน้ำโดยติดตั้งโดยช่างซึ่งไม่สามารถเปลี่ยนสายไฟไปให้ติดตั้งห้องน้ำที่ไม่ใช่ห้องน้ำ.

**للاستخدام الداخلي فقط**  
**لاشغال قبل الاتهاء من التركيب**

يجب استبدال مصادر الإضاءة في هذا الكثاف عن طريق المصباح أو وكيله للخدمات أو شخص مؤهل بمثابة المنشآت المحلاة IEEE يجب تركيب الفانوس من قبل فني مؤهل وفقاً لـ IEEE 1455-2014.

**EN** This marking indicates that this product should not be disposed with other household wastes throughout the EU. To prevent possible harm to the environment or human health from uncontrolled waste disposal, recycle it responsibly to promote the sustainable reuse of material resources. To return your used device, please use the return and collection systems or contact the retailer where the product was purchased. They can take this product for environmental safe recycling.



Dấu hiệu này thể hiện sản phẩm này không nên được xử lý chung với các chất thải gia đình khác trong khu vực liên minh Châu Âu. Để ngăn ngừa tác hại có thể có cho môi trường hoặc sức khỏe con người từ chất thải không kiểm soát được, hãy tái chế một cách có trách nhiệm để thúc đẩy việc tái

như dùng bút vẽ và sơn để vẽ tranh, dùng giấy và bút chì để viết, dùng giấy và bút màu để vẽ tranh, v.v. Khi đó, trẻ em sẽ có thể tự do sáng tạo và phát triển tư duy và kỹ năng nghệ thuật của mình.

هذه العالمة تشير إلى أن هذا المنتج لا ينبعي التخلص منه مع الغليات المنزلية الأخرى في جميع أنحاء الاتحاد الأوروبي. لمنع أي رغبة ممكن بالبيئة أو بصحة الإنسان، من التخلص غير المضطط من: الغليات، إعادة تدوير بشكلاً متساوياً؛ لتشحيم إعادة حمازك المستخدمة بـ حـ، استخدام ظهر

الإعادة والتجمیع أو الاتصال بمتلجر التجزئة حيث تم شراء المنتج. ويمكن أن يأخذ هذا المنتج لإعادة التدوير البيئي الآمن.

<b>用户资料</b>			
用户姓名:	<input type="text"/>	(先生/女士)	
产品名称:	<input type="text"/>		
产品型号:	<input type="text"/>		
出售单位及地址:	<input type="text"/>		
购买日期:	年	月	日
发票号码:	<input type="text"/>		

昕诺飞灯具产品  
质保条款

本公司保证该产品在正常使用及保养下能发挥其优越性能。同时本公司将为客户提供一年质保服务（不含光亮）。

1. 购买之日起一年内，凡经本公司确认正常使用情况下因产品本身质量问题导致的损坏或故障，您将获得质保服务。
2. 此质保服务包括灯管以及灯座包含的支架、玻璃装置。
3. 消费者申请质保服务时，须提供本保修证以及有效的购买凭证。
4. 下列情况将不能享受质保服务。
  - 1)无生产日期、涂改生产日期或撕毁贴纸；调换生产日期贴纸；
  - 2)产品已经非本公司授权人员拆动、改装或修理过；
  - 3)超过质保有效期限的产品；
  - 4)正常使用引起的产品老化、磨耗、划伤、掉漆等；不损害产品的正常使用；
  - 5)非质量问题造成产品外壳严重损坏（包括变形、氧化、腐蚀或有严重的锈蚀等）；
  - 6)使用不当引起的人为损坏，如接不适当电源、使用不适当的配线、未适当安装、不依照说明书使用、错误使用或疏忽造成的损坏等；
  - 7)其他不可抗力因素，如水灾、火灾、地震、高压、酸碱腐蚀、雷击浪涌等造成的产品损坏。
5. 服务热线：8008 201 201  
4008 201 201

产品中有害物质的名称及含量						
部件名称	有害物质					
	铅(Pb)	汞(Hg)	镉(Cd)	六价铬(Gr VI)	多溴联苯(PBB)	多溴二苯醚(PBDE)
LED灯板/光源	○	○	○	○	○	○
驱动器(板)、铜制电子零部件	×	○	○	○	○	○
透镜光学部件	○	○	○	○	○	○
外壳及其他零部件	○	○	○	○	○	○